FireAnt

CTCP Thống Nhất Hà Nội (UPCOM: TNV)

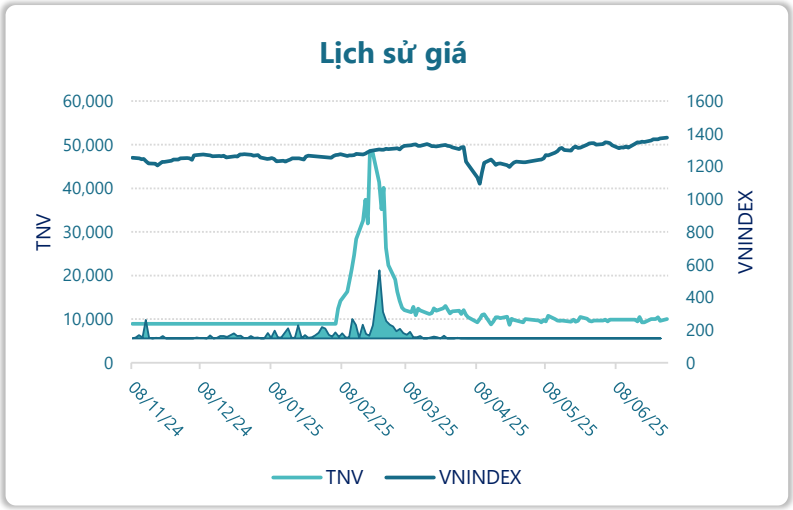

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,700
SL cổ phiếu LH	23,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,205
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	237
P/E	
EPS	

DT thuần

Q2/25

61.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.5| 119%

LN sau thuế

Q2/25

0.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.20| 315%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.5%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

89.9

tỷ VNĐ

LN sau thuế

6T 2025

0.44

tỷ VNĐ

ROE

Q2/25

#VALUE!

#VALUE!

Kết quả kinh doanh

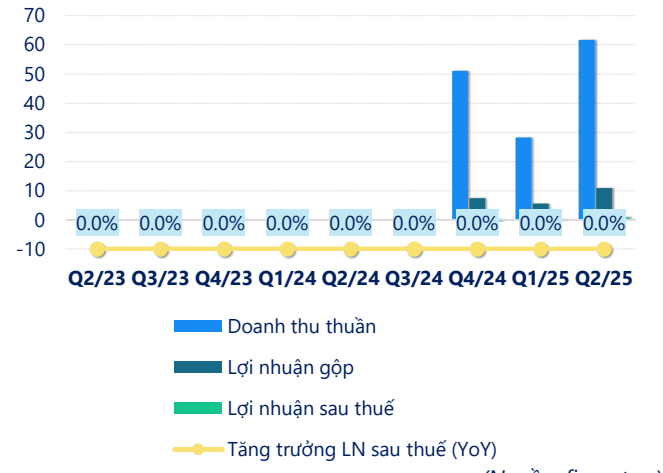

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

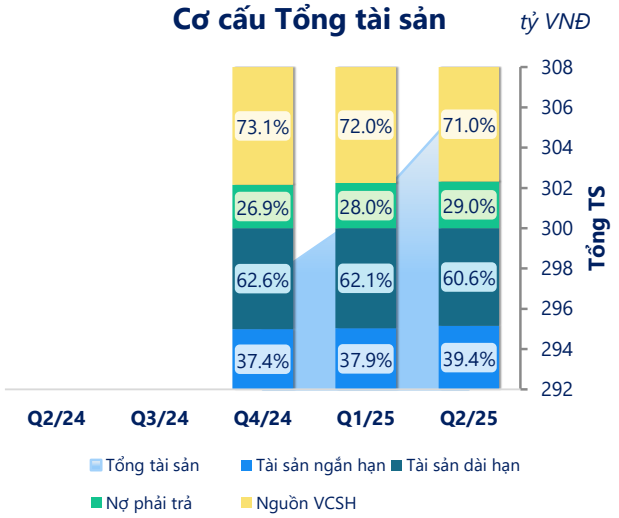

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

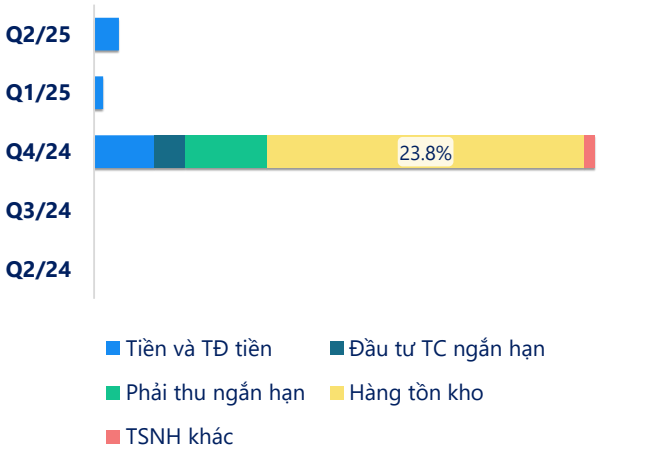

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

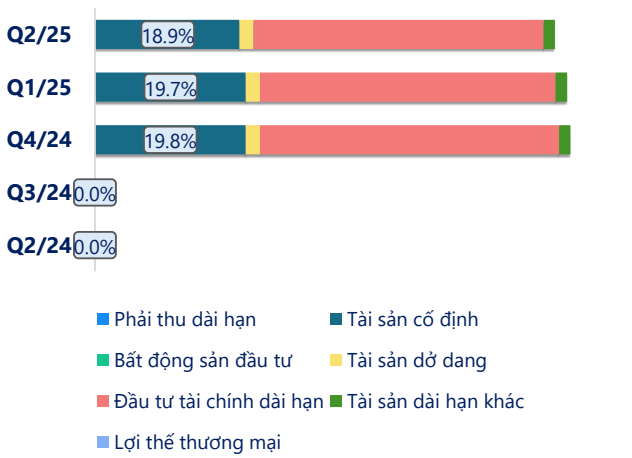

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

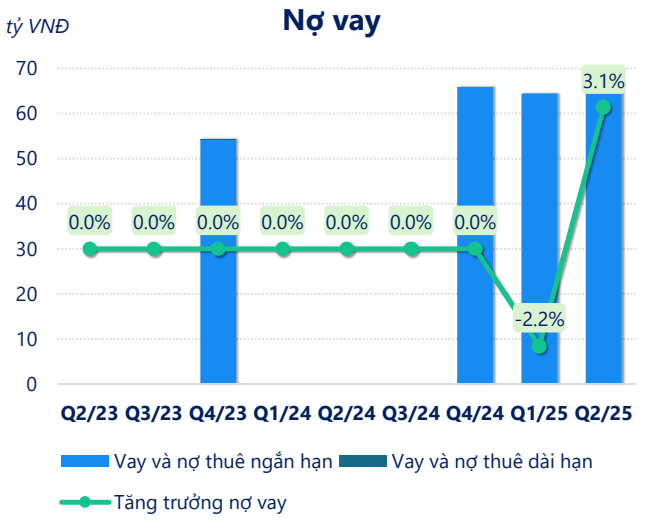

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

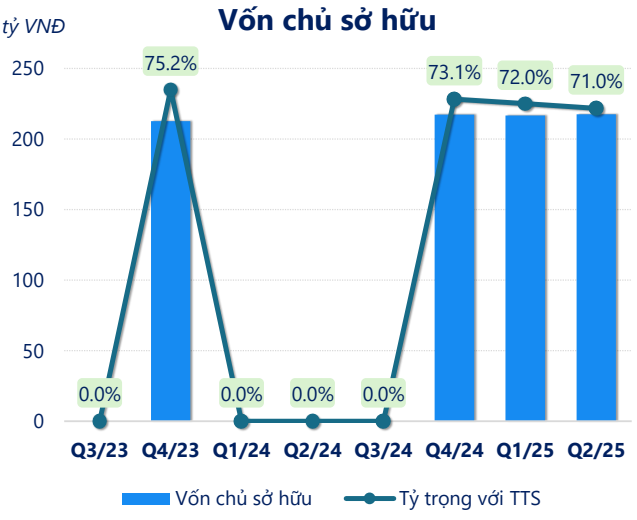

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

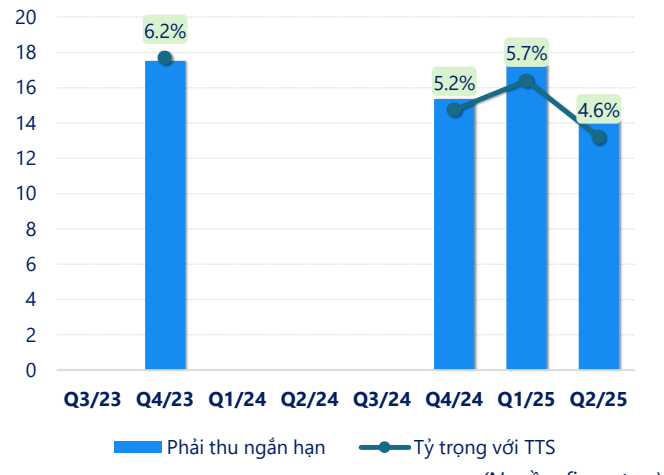

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

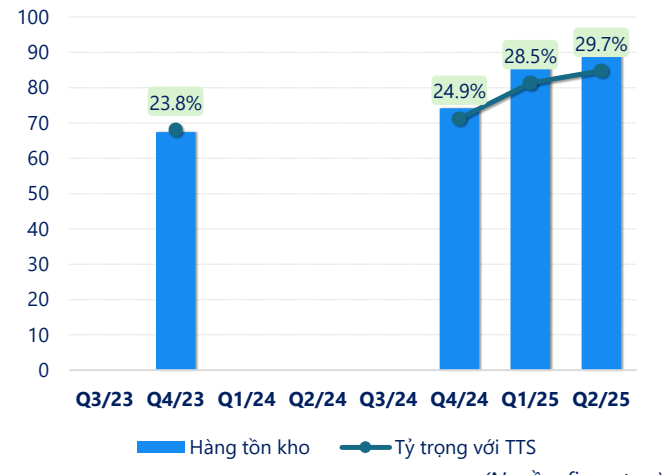

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

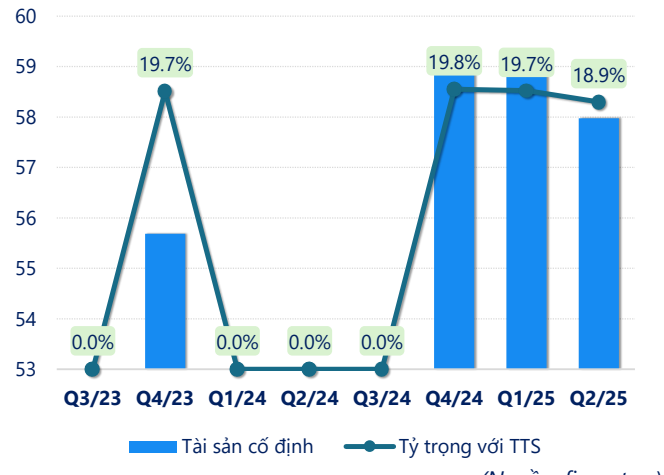

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

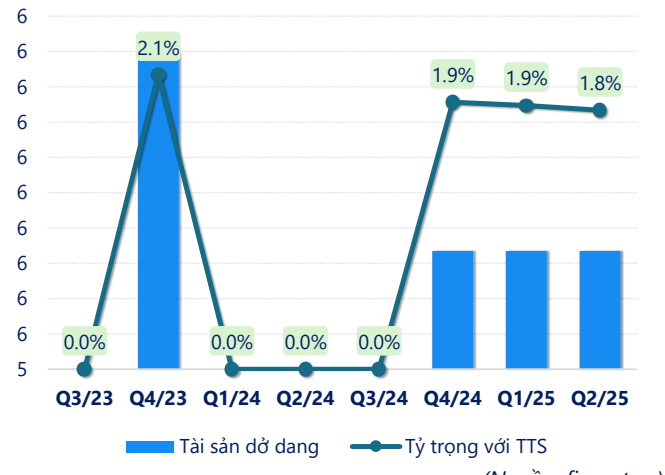

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

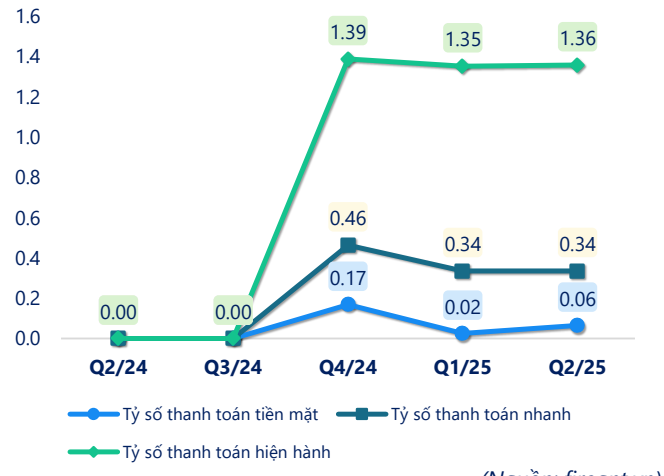

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

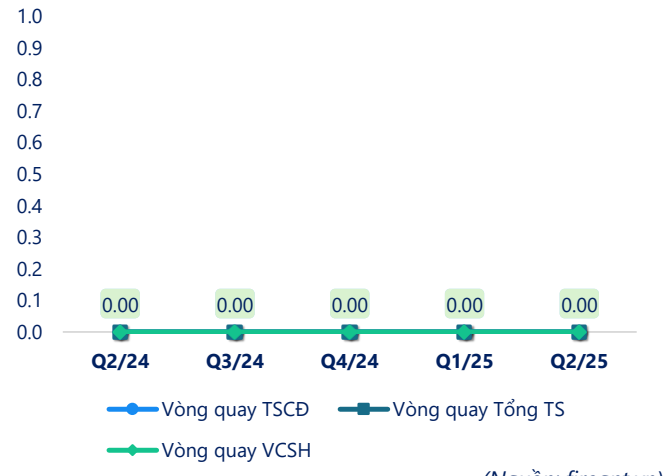

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản			**297**	**301**	**306**
Tài sản ngắn hạn			**111**	**114**	**121**
Tiền và tương đương tiền			13.5	2.07	5.75
Đầu tư tài chính ngắn hạn			6.50	6.50	6.50
Phải thu ngắn hạn			15.3	17.3	14.1
Hàng tồn kho			74.1	85.6	91.0
Tài sản ngắn hạn khác			1.81	2.41	3.52
Tài sản dài hạn			**186**	**187**	**186**
Phải thu dài hạn			0	0.37	0.37
Tài sản cố định			58.9	59.3	58.0
Bất động sản đầu tư			0	0	0
Tài sản dở dang			5.62	5.62	5.62
Đầu tư tài chính dài hạn			117	117	117
Tài sản dài hạn khác			4.44	4.60	4.58
Lợi thế thương mại			0	0	0
Nợ phải trả			**80.1**	**84.2**	**89.0**
Nợ ngắn hạn			**80.1**	**84.2**	**89.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn			65.9	64.4	66.5
Phải trả người bán ngắn hạn			7.33	12.7	14.2
Nợ dài hạn			0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn			0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu			**217**	**217**	**217**
Vốn chủ sở hữu			**217**	**217**	**217**
Vốn điều lệ			237	237	237
Kinh phí và quỹ khác			0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)